

Bản án số: 239/2018/HS-PT

Ngày: 26 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2018/TLPT-HS ngày 18- 6 - 2018 đối với bị cáo Nguyễn Võ H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép ma túy*” và Đặng Đình M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Võ H và bị cáo Đặng Đình M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Võ H** (tên gọi khác: N), sinh ngày 04/4/1993 tại huyện huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn NB, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Võ H1 (đã chết) và bà Lâm Ngọc A; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2010 bị Chủ tịch UBND huyện L ra Quyết định số 1935/QĐ-UB ngày 23 tháng 11 năm 2010 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng tại ĐN với thời gian 02 năm về hành vi “Đánh nhau, gây rối trật tự công cộng và hủy hoại tài sản của người khác” đến ngày 25/8/2012 thì chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2017, hiện đang tạm giam - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Võ H tại phiên tòa: Luật sư Đặng T thuộc Công ty Luật TNHH MTV ĐG là Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ – Có mặt.

2. Họ và tên: **Đặng Đình M**, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1999 tại huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn XN, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái máy múc; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình C và bà Võ Thị Kim Y; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/12/2017, hiện bị cáo đang tại ngoại - Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lâm Ngọc A, sinh năm 1965, trú tại Thôn NB, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Võ H2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Buôn HJ, xã BK, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Nguyễn Anh Linh C1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn TG, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Đặng H3, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn XN, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Hoàng Trung T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xã KN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Đoàn Đại T2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xã QH, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông.

Anh Nguyễn Anh T3, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn XH, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Hồ Phi L, sinh năm 1994; Anh Hồ Thanh T4, sinh năm 1995; Anh Hồ Viết T5, sinh năm 1995; cùng trú tại: Thị trấn LS, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Trần Xuân S, sinh năm 1993; Anh Phạm Xuân T6, sinh năm 1996; Anh Phạm Xuân T7, sinh năm 1994; cùng trú tại: Thôn ĐG 1, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk

Anh Lê Nguyên C2, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn ĐG 2, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Phạm Minh T8, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn NB, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk

Anh Nguyễn Nhật M1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Buôn M, xã BK, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Trương Ngọc H4, sinh năm 1996; Địa chỉ: Buôn B, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyễn Văn L1, sinh ngày 03/8/2000; Địa chỉ: Tổ dân phố HT, thị trấn LS, huyện L, tỉnh Đắk Lắk

Tất cả những người làm chứng trên đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Võ H bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2016 đến đầu năm 2017 thì nghiện nặng, để có tiền xoay vòng mua ma túy sử dụng H đã nhiều lần mua ma túy đá của một số đối tượng (không xác định rõ họ tên và địa chỉ) rồi mang về nhà tại thôn NB, xã ĐL, huyện L cất giấu và phân chia thành nhiều tép nhỏ với mục đích vừa bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy để kiếm lời và vừa để sử dụng. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 cho đến tháng 6 năm 2017 H đã nhiều lần bán ma túy đá cho Đặng Đình M, Nguyễn Anh Linh C1, Đặng H3, Hoàng Trung T1, Hồ Thanh T4, Hồ Viết T5, Hồ Phi L, Nguyễn Lê C2, Phạm Xuân T7, Phạm Văn T6, Trần Xuân S, Nguyễn Nhật M1 và Phạm Minh T8 với số tiền từ 150.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Sau khi bán ma túy đá cho các đối tượng trên, H đã nhiều lần cho Đặng Đình M, Nguyễn Anh Linh C1, Đặng H3, Hoàng Trung T1, Nguyễn Lê C2, Phạm Văn T7, Phạm Văn T6, Trần Xuân S mượn dụng cụ sử dụng ma túy đá của mình để sử dụng trái phép ma túy đá ngay tại Shop bán quần áo do H quản lý và sở hữu. Đối với Hồ Thanh T4, Hồ Viết T5, Hồ Phi L, Nguyễn Nhật M1 và Phạm Minh T8 không sử dụng ma túy đá tại Shop bán quần áo của H mà mang đi nơi khác để sử dụng.

Ngày 11/06/2017, H đi lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mua một lượng ma túy đá của một đối tượng tên là B (không xác định rõ họ tên và địa chỉ) với số tiền là 2.500.000 đồng rồi mang về nhà tại thôn NB, xã ĐL, huyện L phân chia thành nhiều tép nhỏ đựng trong 01 vỏ bao thuốc lá JET cất giấu để sử dụng và bán lại cho các con nghiện có nhu cầu. Vào khoảng 17 giờ ngày 12/06/2017 trong lúc H cùng với Đặng Đình M, Nguyễn Anh Linh C1, Đoàn Đại T2 là các con nghiện đang chuẩn bị sử dụng trái phép ma túy đá tại phòng bếp của ngôi nhà số 100, thôn NB, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk do mẹ H là bà Lâm Ngọc A sở hữu thì bị anh Nguyễn Võ H2 là anh trai của H bắt gặp. Lúc này, giữa H và anh H2 xảy ra xô sát với nhau nên H đã nói với Đặng Đình M mang vỏ bao thuốc lá JET bên trong có đựng các tép ma túy đá cất giấu để tránh sự phát hiện của anh H2 và người khác. Khi được H nhờ, Đặng Đình M biết rõ trong bao thuốc lá JET có chứa các tép ma túy đá nhưng vẫn mang đi cất giấu ở chuồng gà nhà bà Lâm Ngọc A. Sau khi, được Đoàn Đại T2 can ngăn giữa H với anh H2 không xảy ra xô sát nữa. Lúc này, anh H2 bỏ đi lên nhà trên còn H, M, C2 và T2 tiếp tục sử dụng 02 tép ma túy đá mà trước đó H đã lấy ra từ trong bao thuốc lá JET. Sau khi sử dụng hết 02 tép ma túy đá trên, H nói M lấy thêm 01 tép ma túy đá nữa vào để sử dụng tiếp. M đi ra chuồng gà, lấy thêm 01 tép ma túy đá và cất giấu bao thuốc JET vào lại chỗ cũ rồi cầm tép ma túy đá đi vào nhà bếp đưa cho H, H và C2 tiếp tục sử dụng, còn T2 và M không sử dụng. Sau khi sử dụng

xong. H nói M mang bao thuốc lá JET có đựng các tép ma túy được cất giấu ở chuồng gà đưa cho H cất giấu vào trong ngăn kéo phía dưới của tủ quần áo đặt ngay tại phòng bếp rồi bỏ đi tắm. Sau khi tắm xong, H nói M lấy cho H một tép ma túy đá để bán cho C2. M kéo ngăn hộc tủ ra và lấy một tép ma túy đá trong bao thuốc lá JET đưa cho H rồi cất giấu bao thuốc lá JET vào lại trong hộc ngăn kéo tủ như cũ. Sau đó M đi về nhà mình, còn C2 và T vừa đi lên phía trước nhà của H thì bị Công an huyện Lắc phát hiện giữ lại. H phát hiện Công an huyện đến nhà kiểm tra nên vứt tép ma túy đá tại phòng bếp rồi bỏ chạy ra phía sau nhà để bỏ trốn thì bị Công an huyện Lắc bắt giữ. Qua khám nghiệm hiện trường nơi H, C2, M và T2 sử dụng trái phép chất ma túy Công an huyện Lắc đã phát hiện, thu giữ nhiều đồ vật, dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá và 01 tép ma túy đá mà H đã vứt lại tại hiện trường (được niêm phong ký hiệu là mẫu M1), 05 vỏ gói đã bị cắt mở có dính bám mặt tinh thể màu trắng nghi ma túy đá (được niêm phong ký hiệu là mẫu M2) bên trong chiếc thùng xốp đựng các dụng cụ để sử dụng ma túy. Qua làm việc với Đặng Đình M, Nguyễn Anh Linh C1 và Đoàn Đại T2, ngày 14/6/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Lắc tiến hành khám nghiệm hiện trường toàn bộ khu vực khuôn viên ngôi nhà số 100 tại Thôn NB, xã ĐL, huyện L, kết quả đã phát hiện và thu giữ 01 bao thuốc lá JET bên trong đựng 15 gói chứa chất tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy đá (được niêm phong ký hiệu là mẫu M3).

Tại Bản kết luận giám định số 353/GĐMT-PC54 ngày 14/06/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu là M1 gửi giám định có khối lượng là 0,0587 gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Methamphetamine. Chất Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 67 Nghị định 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Phong bì ký hiệu M2: Lượng mẫu ít không đủ để tiến hành giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 354/GĐMT-PC54 ngày 16/06/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong 15 gói nhựa màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3 gửi giám định có tổng khối lượng là 1,2384 gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Methamphetamine. Chất Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 67 Nghị định 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- **Về vật chứng của vụ án:** Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

+ 01 gói làm bằng vỏ nhựa màu trắng, kích thước (2,9 x 1) cm, đã được hàn kín các cạnh, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1.

+ 15 gói làm bằng bì nhựa màu trắng, hình chữ nhật, kích thước (2,5 x 0,8)cm đến (3x1)cm, đã được hàn kín các cạnh, bên trong các gói này đều có

chứa các chất tinh thể rắn màu trắng; đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3.

+ 05 vỏ gói làm bằng bì nhựa màu trắng, kích thước khác nhau từ (2,5 x 0,8) cm đến (3 x 0,8) cm đã được hàn kín các cạnh và đã được cắt mở một hoặc hai cạnh. Bề mặt bên trong các vỏ gói có bám dính chất dạng tinh thể màu trắng; đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2.

+ 02 vỏ gói làm bằng bì nhựa màu trắng, hình chữ nhật, kích thước từ (2,5 x 0,8) cm đến (3 x 1)cm, đã cắt mở, bên trong không có gì;

+ 01 vỏ bao thuốc lá bằng giấy màu trắng, nhãn hiệu JET, dọc trên thân bao thuốc lá có dán băng keo màu đen;

+ 01 thùng xốp kích thước (49,5 x 36 x 29,5)cm, trên thân có dán băng keo màu trắng đỏ, hiệu HaLiCo;

+ 01 hộp bọc da màu nâu đen, kích thước (36 x 11,5 x 10)cm, có nắp khóa bật ở giữa bằng kim loại màu trắng và quai xách bằng kim loại màu trắng;

+ 140 mảnh bì nhựa màu trắng đục, đã được gấp nếp;

+ 02 chiếc kéo y tế bằng kim loại màu trắng;

+ 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, đã bị nứt vỡ màn hình, bên trong điện thoại có 01 sim điện thoại số 0916902169;

+ 01 bình thủy tinh thân tròn, đường kính lớn nhất 12cm, được gắn cố định với nắp bằng băng keo màu đen, trên đỉnh nắp bình có gắn xuyên qua nắp một ống thủy tinh đã được uốn cong và thổi phình ở đầu ống để làm tẩu. Trên mặt cạnh nắp bình có gắn một ống nhựa màu trắng thông xuyên qua nắp bình. Bên trong bình có chứa chất lỏng trong suốt và một số đoạn ống nhựa nhiều màu sắc;

+ 03 đầu tẩu bằng thủy tinh, được độ chế từ ống thủy tinh;

+ 26 đoạn ống thủy tinh dài 20cm, đường kính 0,6cm;

+ 01 bình ga loại nhỏ, trên đầu có gắn đầu khò màu xanh, nút ấn màu cam, nhãn hiệu Namilux, cửa hàng ĐT (thuộc quyền sở hữu của bị can Đặng Đình M).

+ 05 ống hút nhựa màu trắng; 01 chiếc kéo bằng kim loại, bề mặt có in hằn chữ 'Phương A1'; 03 đoạn tấm kim loại, đường kính 0,2cm, dài từ 24cm đến 26cm; 06 đoạn ống hút nhựa màu vàng dài 18cm; 01 cái kìm bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ, chiều dài 17cm; 04 quẹt ga, gồm 02 chiếc quẹt màu cam và 02 chiếc quẹt màu xanh; 03 đoạn ống nhựa dài 04cm, một đầu ống có gắn giấy bạc cuộn, gắn với nhau bằng băng keo màu đen;

+ 01 chiếc cuốc chim, cán bằng tre đường kính 03cm, dài 80cm; lưỡi cuốc chim bằng kim loại dài 20cm, bản rộng nhất 8,3cm.

+ 01 tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng, số serie LH 16757114.

Các vật chứng trên thuộc quyền sở hữu của các bị cáo Nguyễn Võ H và Đặng Đình M, được sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Riêng

đối với vật chứng là 01 chiếc cuộc chim và số tiền 20.000 đồng không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di động hiệu Infinix màu vàng, số hiệu CE 0197.

+ Số tiền 680.000 đồng (sáu trăm tám mươi nghìn đồng), gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng.

Các vật chứng này thuộc quyền sở hữu của Đoàn Đại T2 và Nguyễn Anh Linh C1 không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng và số sim 0966420447 là tài sản thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Anh Linh C1 không liên quan đến vụ án. Nên ngày 15/01/2018, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động trên cho chủ sở hữu.

Đối với căn phòng Shop có đặc điểm: Phòng làm bằng khung sắt thép, vách làm bằng tôn, nền xi măng và mái lợp tôn, chiều dài 5m90, chiều rộng 5m10, chiều cao 3m80, diện tích 30,09 m². Quá trình điều tra đã tiến hành cho các đối tượng đã mua ma túy đá của Nguyễn Võ H đều xác định đây là địa điểm đã mua ma túy đá và mượn dụng cụ sử dụng ma túy đá để sử dụng trái phép chất ma túy đá ngay tại căn phòng Shop này. Cơ quan điều tra đã lập biên bản và giao cho đại diện gia đình quản lý căn phòng Shop trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 07/03/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Lắc kết luận căn phòng ở tạm: khung sắt thép, vách làm bằng tôn, nền xi măng và mái lợp tôn, chiều dài 5m90, chiều rộng 5m10, chiều cao 3m80, diện tích 30,09 m². Giá trị còn lại của tài sản là 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định căn phòng Shop (có đặc điểm như mô tả nêu trên) nằm tại vị trí phía trước căn nhà số 100, Thôn NB, xã ĐL, huyện L, Đắk Lắk (diện tích đất của căn phòng này nằm trong tổng diện tích đất của căn nhà số 100 do bà Lâm Ngọc A – mẹ ruột của Hòa là người có quyền sử dụng) là do Nguyễn Võ H tự bỏ tiền xây dựng lên để trực tiếp quản lý và kinh doanh buôn bán quần áo. Sau đó, H đã sử dụng căn phòng Shop này làm địa điểm bán ma túy đá và cho các đối tượng nghiện ma túy mượn dụng cụ sử dụng ma túy đá để sử dụng trái phép chất ma túy ngay tại căn phòng Shop này.

Tại Bản án hình sự thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Võ H phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Đặng Đình M phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Võ H 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Võ H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội : “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình chung là 14 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; các điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khoá 14; khoản 3 Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Đặng Đình M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 /5/2018, bị cáo Nguyễn Võ H, Đặng Đình M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Võ H, Đặng Đình M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Võ H 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và 07 năm 06 tháng tù về tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo Đặng Đình M 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức hình phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Võ H, Đặng Đình M là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Võ H, Đặng Đình M - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt cũng như các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Võ H trình bày ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng

người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt chung cho cả hai tội là 14 năm 06 tháng tù có phần nghiêm khắc, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú về hành vi phạm tội, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo, có nhân thân tốt. Mặt khác động cơ, mục đích của hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là chỉ nhằm có tiền tiếp tục mua ma túy để sử dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận mà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa đối đáp, tranh luận với nhau và đều giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Võ H và Đặng Đình M tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ đầu năm 2017 đến ngày 12 tháng 6 năm 2017 Nguyễn Võ H đã nhiều lần đi mua ma túy đá của một số đối tượng (không xác định rõ họ tên và địa chỉ) tại Tp. B rồi mang về nhà tại thôn NB, xã ĐL, huyện L cất giấu và phân chia thành nhiều tép nhỏ với mục đích vừa bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác để kiếm lời và vừa để sử dụng. Trong khoảng thời gian này bị cáo H đã nhiều lần bán ma túy đá cho Đặng Đình M, Nguyễn Anh Linh C1, Đặng H3, Hoàng Trung T1, Hồ Thanh T4, Hồ Viết T5, Hồ Phi L, Nguyễn Lê C2, Phạm Văn 7, Phạm Văn T6, Trần Xuân S, Nguyễn Nhật M1 và Phạm Minh T8 với số tiền từ 150.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Sau khi bán ma túy đá cho các đối tượng trên, bị cáo H đã nhiều lần cho những người nghiện ma túy mượn dụng cụ và địa điểm (ngay tại Shop bán quần áo của mình) để sử dụng ma túy, trong đó có một số lần bị cáo H sử dụng ma túy cùng các con nghiện, một số lần bị cáo H không sử dụng ma túy cùng với họ. Vào khoảng 17 giờ ngày 12/06/2017, trong lúc H cùng với Đặng Đình M, Nguyễn Anh Linh C1, Đoàn Đại T2 là các con nghiện đang sử dụng trái phép ma túy đá tại phòng bếp của ngôi nhà số 100, thôn NB, xã ĐL, huyện L do mẹ H là bà Lâm Ngọc A sở hữu thì bị Công an huyện Lắc phát hiện.

Đối với hành vi của bị cáo Đặng Đình M, trong quá trình sử dụng ma túy cùng H, C2, T2 tại nhà H vào ngày 12/6/2017, khi được bị cáo H nhờ cất giấu vỏ bao thuốc lá JET, mặc dù biết rõ trong vỏ bao thuốc lá JET có chứa các tép ma túy đá nhưng bị cáo vẫn đồng ý và mang đi cất giấu ma túy với khối lượng 1,2971 gam Methamphetamine.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Võ H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 và tội “Chứa chấp sử dụng ma túy trái phép” điểm b, d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1999, xét xử bị cáo Đặng Đình M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Võ H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” của bị cáo thuộc trường hợp “*Phạm tội nhiều lần*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 7 năm tù là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 07 năm 06 tháng tù có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, việc bị cáo cho các con nghiện sử dụng ma túy ngay tại Shop bán quần áo mà bị cáo quản lý chỉ nhằm mục đích bán được ma túy. Mặt khác, khi bị cáo cho các con nghiện mượn dụng cụ và địa điểm để sử dụng ma túy thì có một số lần bị cáo cũng sử dụng chung nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” nên sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đặng Đình M, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo là người nghiện sử dụng ma túy, đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,2971 gam Methamphetamine nhằm che giấu sự phát hiện của người khác. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án thì thấy như bản án sơ thẩm đã xử lý là đúng pháp luật. Tuy nhiên, đối với nội dung phần Quyết định có nêu: “Tịch thu nộp ngân sách nhà nước giá trị còn lại của căn phòng Shop có đặc điểm: Phòng làm bằng khung sắt thép, vách làm bằng tôn, nền xi măng, mái lợp tôn, chiều dài 5m90, chiều rộng 5m10, chiều cao 3m80 diện tích 30,09 m² nằm ở vị trí phía trước của ngôi nhà số 100 tại thôn NB, xã DL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk do bà Lâm Ngọc A làm chủ sở hữu (trừ phần diện tích đất của căn phòng, phần mái lợp tôn nền láng xi măng là thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Ngọc A), giá trị tài sản được tính tại thời điểm thi hành án” là không đúng và gây khó khăn cho

công tác thi hành án. Trong khi đó Hội đồng định giá trong tổ tụng đã định giá giá trị còn lại của căn phòng Shop là 2.500.000 đồng. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung xử lý vật chứng nêu trên, cụ thể: Giao cho bị cáo Nguyễn Võ H được quyền sở hữu số tài sản căn phòng Shop có đặc điểm “Phòng ở tạm, làm bằng khung sắt thép, vách làm bằng tôn chiều cao 3,8m; chiều dài 5,9m; chiều rộng 5,1m, diện tích 30,09 m² nằm ở vị trí phía trước của ngôi nhà số 100 tại thôn NB, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk do bà Lâm Ngọc A làm chủ sở hữu (trừ phần diện tích đất của căn phòng, phần mái lợp tôn nền láng xi măng là thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Ngọc A). Truy thu số tiền 2.500.000 đồng của bị cáo Nguyễn Võ H là giá trị còn lại của căn phòng để sung quỹ Nhà nước. Trong thời gian bị cáo chấp hành án, tạm giao số tài sản nêu trên cho bà Lâm Ngọc A là mẹ bị cáo tiếp tục quản lý.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Võ H thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo H được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Đặng Đình M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Võ H - Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Võ H.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Võ H 07 (bảy) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Võ H 07 (bảy) năm tù về tội : “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 để tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Võ H phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2017.

[2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Đình M – Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 04/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Đặng Đình M.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; các điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khoá 14; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đặng Đình M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Giao cho bị cáo Nguyễn Võ H được quyền sở hữu số tài sản là căn phòng Shop có đặc điểm “Phòng ở tạm, làm bằng khung sắt thép, vách làm bằng tôn chiều cao 3,8m; chiều dài 5,9m; chiều rộng 5,1m, diện tích 30,09 m² nằm ở vị trí phía trước của ngôi nhà số 100 tại thôn NB, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk do bà Lâm Ngọc A làm chủ sở hữu (trừ phần diện tích đất của căn phòng, phần mái lợp tôn, nền láng xi măng là thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Ngọc A).

- Truy thu số tiền 2.500.000 đồng của bị cáo Nguyễn Võ H là giá trị còn lại của căn phòng để sung quỹ Nhà nước. Trong thời gian bị cáo chấp hành án, tạm giao số tài sản nêu trên cho bà Lâm Ngọc A là mẹ bị cáo tiếp tục quản lý.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Võ H được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đặng Đình M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện Lắc;

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr

- VKSND huyện Lắk;
- Công an huyện Lắk;;
- Chi cục THADS huyện L;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.